

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày: 21/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Kim Mến.

Nghề nghiệp: Giáo viên hưu trí;

2. Ông Đặng Thanh Phong.

Nghề nghiệp: Giáo viên;

Nơi công tác: Trường Trung học phổ thông Văn Ngọc Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đặng Phước Thiện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020 đối với:

- Bị cáo: Thạch Hoàng D, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê, Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Thạch D3 (đã chết) và bà Sơn Thị H3, sinh năm 1972 (S); Anh chị em ruột: có 03 người (lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2008); Vợ: chưa có vợ; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/10/2019 cho đến nay (bị cáo có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Thạch Hoàng D: Ông Phạm Văn H – Luật sư trợ giúp pháp lý – Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (theo quyết định số 263/QĐ-TGPL ngày 04/11/2019 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng) (có mặt).

- Bị hại: Ông Sơn Thái H1(Chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1/ Ông Sơn H2, sinh năm 1968 (có mặt).

2/ Bà Thạch Thị T, sinh năm 1969 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp K, xã L, Huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Diệp Chí C, sinh năm 1978 (có mặt).

2/ Bà Sơn Thị H3, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Ông Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp H, xã T, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Bà Danh Thị Hồng T2, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp Đ, xã T, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

5/ Ông Sơn H4, sinh năm 1981 (vắng mặt).

6/ Bà Sơn Thị Bách Đ, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp T, xã T, Huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1/ Bà Danh Thị Hồng T2, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp Đ, xã T, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp H, xã T, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Ông Huỳnh Phương N, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp H, xã T, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Ông Phan Khánh H5, sinh năm 1997 (có đơn xin vắng mặt).

Trú tại: Ấp T, xã T, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

5/ Ông Sơn Minh T3, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp Đ, xã T, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

6/ Ông Lâm Chí D2, sinh năm 1961 (vắng mặt).

7/ Ông Lâm Cao N2 (H7), sinh năm 1992 (vắng mặt).

8/ Ông Thạch Sô P, sinh năm 1990 (vắng mặt).

9/ Ông Thạch Cum P2, sinh năm 1999 (vắng mặt).

10/ Ông Trần Kha H6, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp B, xã T, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

11/ Ông Võ Thành Q2, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp Đ, xã T, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 10/3/2019, bị cáo Thạch Hoàng D đi đến nhà ông Sơn H4 và bà Sơn Thị Bách Đ chơi và uống khoảng 02 đến 03 lon bia Sài Gòn xanh với ông Hiệp, bà Đ. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, D hỏi mượn xe mô tô biển số 83P3 - 071.93 của ông H4 để đi về nhà thì ông H4 đồng ý và cho D mượn xe mô tô nêu trên. Khi hỏi mượn xe của ông Hiệp, D không nói với ông H4 là bản thân D không có giấy phép lái xe và ông H4 cũng không biết được D không có giấy phép lái xe.

Đến khoảng 11 giờ ngày 11/3/2019, D điều khiển xe mô tô biển số 83P3 - 071.93 nêu trên chở Sơn Minh T3 cùng Sơn Thái H1 một mình điều khiển xe mô tô của H1 (loại xe Dream, màu nâu, không xác định được biển số), tất cả đi đến quán Tư Q2 (chủ quán là ông Võ Thành Q2) tại ấp Đào Viên, xã T, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng để uống rượu. Tại quán, D gọi điện thoại rủ thêm Danh Thị Hồng T2 và Nguyễn Văn Q. Một lúc sau Nguyễn Tuấn V điều khiển xe mô tô biển số 83P3 - 698.80 chở T2, Q điều khiển xe mô tô (loại xe Wave, màu xanh, không xác định được biển số) chở Phan Khánh H5 và Huỳnh Phương N đến quán uống rượu chung với nhóm của D. Trong lúc uống rượu, T2 gọi điện thoại rủ thêm Danh Thị Hồng T2 nên T2 điều khiển xe mô tô biển số 83P3 - 502.94 đến cùng uống rượu. Uống rượu được một lúc T3 mượn xe mô tô Dream, màu nâu của H1 để về trước. Còn nhóm của D, Hòa, T2, V, T2, Q, H5 và N ở lại tiếp tục uống rượu đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì nghỉ. Sau đó, D rủ cả nhóm đi chỗ khác để uống rượu tiếp thì T2 mới rủ cả nhóm đến nhà của Lâm Cao N2 (H7) trú tại ấp B, xã T, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng, tất cả đồng ý. Sau đó, D điều khiển xe mô tô biển số 83P3 - 071.93 chở Hòa, Q điều khiển xe mô tô (loại xe Wave, màu xanh, không xác định được biển số) chở H5 và N, V điều khiển xe mô tô biển số 83P3 - 698.80 chở T2, T2 điều khiển xe mô tô biển số 83P3 - 502.94 chạy một mình, tất cả cùng đi đến nhà N2. Trên đường đi V, T2 và T2 có việc riêng nên chạy xe đi sau, còn D điều khiển xe chở Hòa, còn Q điều khiển xe chở H5 và N chạy trước theo tuyến lộ Đ1 nông thôn, hướng từ Quốc lộ 1A vào ấp B, xã T, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Khi chạy vào trong đường lộ Đ1 được một đoạn, do không biết nhà của N2 và không nhìn thấy xe của V chở T2 và xe của T2, nên D và Q chạy ngược trở ra hướng Quốc lộ 1A. Khi chạy trở ra được một đoạn thì thấy xe của V chở T2 và xe của T2 chạy ngang qua nên D và Q quay xe lại chạy theo phía sau. Xe của V chở T2 chạy trước, đến xe của T2, xe của D chở H1 và xe của Q chở H5 và N chạy sau cùng. Lúc này D điều khiển xe chạy với tốc độ khoảng 50 - 60 km/h vượt qua xe của T2 để chạy theo xe của V chở T2, khi vượt qua được xe của T2 thì chỉ cách xe của V điều khiển chở T2 khoảng 03 mét. Khi gần đến nhà của N2, V giảm tốc độ chạy chậm lại bên lề phải của xe. Do khoảng cách quá gần, D bị bất ngờ nên điều khiển xe tránh về bên lề trái nhưng xử lý không kịp làm xe mô tô biển số 83P3 - 071.93 do D điều khiển chở H1 ngồi sau đã va chạm vào xe mô tô biển số 83P3 - 698.80 do V điều khiển chở T2 phía trước, làm cho xe của V chở T2 chạy trượt tới phía trước vô lề phải nhưng không bị ngã xe, V và T2 không bị T tích, còn D và H1 cùng xe mô tô biển số 83P3 - 071.93 ngã nằm trên lộ Đ1. Hậu quả, D bị T nhẹ, H1 bị T nặng được đưa đến Trung tâm y tế Huyện Thạnh Trị cấp cứu, ngay sau đó được chuyển đến bệnh viện Đ KH6 tỉnh Sóc Trăng thì bệnh viện xác nhận H1 đã tử vong trước khi vào bệnh viện. Xe mô tô biển số 83P3 - 071.93 và xe mô tô biển số 83P3 - 698.80 bị hư hỏng nhẹ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 40/PY-PC09 ngày 21/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận N2 nhân tử vong của Sơn Thái H1 là do ngạt hô hấp.

Tại Phiếu đo nồng độ cồn ngày 11/3/2019 của Đội Cảnh sát giao thông Công an Huyện M, xác định nồng độ cồn của Thạch H2 D là 0,052mg/l khí thở (chưa vượt quá mức quy định là 0,25mg/l khí thở tại khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008).

Vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

+ 01 xe mô tô biển số 83P3 - 071.93, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ, số máy JF66E0178249, số khung 5815GY178236, số loại Vision, dung tích 108 (bị hư hỏng do tai nạn giao thông).

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 117469, biển số 83P3 - 071.93, tên chủ xe Sơn Hiệp.

+ 01 xe mô tô biển số 83P3 - 698.80, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn xám đen, số máy G3D4E734516, số khung 0610JY706190, số loại Exciter, dung tích 149 (xe bị hư hỏng do tai nạn giao thông).

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 207990, biển số 83P3 - 698.80, tên chủ xe Danh Thị Hồng T2.

+ 01 mảnh kim loại màu trắng, không rõ hình, số đo (8 x 8)cm;

+ 06 mảnh nhựa màu trắng bị bể vỡ không rõ hình, số đo lần lượt là (8 x 2,1)cm, (7 x 3)cm, (6 x 3)cm, (5 x 3,2)cm, (4,1 x 2,2)cm và (2,3 x 1,8)cm;

+ 01 mảnh nhựa màu đen, không rõ hình, số đo (10 x 2,5)cm;

+ 01 mảnh nhựa màu trắng, bị bể vỡ không rõ hình, số đo (25 x 8)cm;

+ 01 mảnh nhựa màu đỏ, bị bể vỡ không rõ hình, số đo (15 x 7,5)cm;

+ 10 mảnh nhựa màu trắng, bị bể vỡ không rõ hình, số đo lần lượt là (19,5 x 8,5)cm, (12 x 4,5)cm, (11 x 2,5)cm, (10 x 5,5)cm, (9,5 x 6)cm, (9,5 x 3)cm, (8 x 4)cm, (7,7 x 5,2)cm, (7 x 6,1)cm và (5,5 x 3,2)cm;

+ 02 mảnh nhựa màu đỏ, bị bể vỡ không rõ hình, số đo lần lượt là (73 x 12,5)cm và (18,5 x 12)cm;

+ 03 mảnh kim loại màu trắng, bị bể vỡ không rõ hình, số đo lần lượt là (37 x 13)cm, (10 x 5)cm và (8,5 x 4,5)cm;

+ 01 mảnh nhựa màu đen, bị bể vỡ không rõ hình, số đo (24,5 x 14,5)cm;

Trong giai đoạn điều tra đã xử lý vật chứng như sau:

- Trả lại cho chủ sở hữu là ông Sơn H401 xe mô tô biển số 83P3 - 071.93, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ, số máy JF66E0178249, số khung 5815GY178236, số loại Vision, dung tích 108; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 117469, biển số 83P3 - 071.93, tên chủ xe Sơn Hiệp.

- Trả lại cho chủ sở hữu là bà Danh Thị Hồng T2: 01 xe mô tô biển số 83P3 - 698.80, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn xám đen, số máy G3D4E734516, số khung

0610JY706190, số loại Exciter, dung tích 149; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 207990, biển số 83P3 - 698.80, tên chủ xe Danh Thị Hồng T2.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSMX ngày 06/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện M đã truy tố bị cáo Thạch H2 D về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo D thừa nhận bản thân không có giấy phép lái xe theo quy định. Vào khoảng 15 giờ ngày 11/3/2019, sau khi bị cáo D sử dụng rượu, bia, đã điều khiển xe mô tô biển số 83P3 - 071.93, dung tích 108 với tốc độ khoảng 50 – 60km/h chở bị hại Sơn Thái H1 chạy phía sau xe mô tô biển số 83P3-698.80 do Nguyễn T3 V điều khiển chở Danh Thị Hồng T2, nhưng D chỉ giữ khoảng cách với xe mô tô biển số 83P3-698.80 do Nguyễn T3 V điều khiển chạy phía trước khoảng 03 mét, nên khi V điều khiển xe giảm tốc độ thì khoảng cách giữa hai xe quá gần, D bị bất ngờ không kịp xử lý và điều khiển xe tránh về phía lề bên trái nhưng không kịp dẫn đến va chạm vào xe mô tô biển số 83P3-698.80 do Nguyễn T3 V điều khiển chở T2 làm cho xe trượt tới phía trước vô lễ bên phải gây tai nạn giao thông, hậu quả làm cho H1 bị T nặng và tử vong. Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại Sơn Thái H1 là bà Thạch Thị T và ông Sơn H2 trình bày: Bà T và ông H2 là cha mẹ ruột của Sơn Thái Hòa, trước khi xảy ra tai nạn H1 sống chung với bà T và ông H2. Bản thân H1 chưa có vợ, con. Sau khi tai nạn xảy ra thì bị cáo D và cha, mẹ của D là bà Sơn Thị H3 và ông Diệp Chí C đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại chi phí mai táng, tiền bồi thường tổn thất tinh thần cùng tất cả các chi phí khác thỏa đáng với số tiền tổng cộng là 50.000.000 đồng. Bà T và ông H2 đồng ý và đã nhận đủ khoảng tiền bồi thường 50.000.000 đồng nêu trên và tự nguyện làm đơn bãi nại cho bị cáo D. Nay bà T và ông H2 không có yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo D. Yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị H3 và ông Diệp Chí C trình bày: Bị cáo Thạch H2 D là con ruột của bà Sơn Thị H3 và ông Thạch Dụng (đã chết năm 2000), còn ông C là cha dượng của bị cáo D. Ông C và bà H3 chỉ biết vào ngày 11/3/2019, D đi cùng với Hòa, nhưng không biết đi đâu. Sau khi tai nạn xảy ra thì ông, bà mới biết là D mượn xe mô tô của ông Sơn H4 chở H1 và xảy ra tai nạn tại lộ Đ1 thuộc ấp B, xã T, Huyện M làm cho H1 bị T nặng tử vong. Sau khi sự việc xảy ra, thì D yêu cầu bà H3, ông C cùng với D đến gặp gia đình của H1 để thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho gia đình của H1 với tổng số tiền 50.000.000 đồng (trong đó có 35.000.000 đồng là tiền của D; 15.000.000 đồng là tiền của bà H3 và ông C). Cha mẹ của H1 đồng ý thỏa thuận nhận tiền bồi thường thiệt hại và làm đơn bãi nại cho D. Nay bà H3 và ông C không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 15.000.000 đồng nêu trên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cáo trạng số 06/CT-VKSMX ngày 06/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện M và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Bị cáo là người dân tộc Khmer hiểu biết pháp luật còn hạn chế, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tự nguyện bồi thường thiệt

hại, khắc phục hậu quả với số tiền 50.000.000 đồng; được những người đại diện hợp pháp của bị hại bãi nại, đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng tại khoản 1 Điều 52 cho nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 và áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Thạch H2 D từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; Về Trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000 đồng cho gia đình bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận xong phần trách nhiệm dân sự. Đại diện hợp pháp của bị hại bà ông Sơn H2 và bà Thạch Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị H3, ông Diệp Chí C, bà Danh Thị Hồng T2, ông Sơn H4 và bà Sơn Thị Bách Đ không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét; Về xử lý vật chứng: Ông Sơn H4 đã nhận lại 01 xe mô tô biển số 83P3 - 071.93, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ, số máy JF66E0178249, số khung 5815GY178236, số loại Vision, dung tích 108; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 117469, biển số 83P3 - 071.93, tên chủ xe Sơn Hiệp; Bà Danh Thị Hồng T2 đã nhận lại 01 xe mô tô biển số 83P3 - 698.80, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn xám đen, số máy G3D4E734516, số khung 0610JY706190, số loại Exciter, dung tích 149; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 207990, biển số 83P3 - 698.80, tên chủ xe Danh Thị Hồng T2 nên không đặt ra xem xét; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu và tiêu hủy: 01 mảnh kim loại màu trắng, không rõ hình, số đo (8 x 8)cm; 06 mảnh nhựa màu trắng bị bể vỡ không rõ hình, số đo lần lượt là (8 x 2,1)cm, (7 x 3)cm, (6 x 3)cm, (5 x 3,2)cm, (4,1 x 2,2)cm và (2,3 x 1,8)cm; 01 mảnh nhựa màu đen, không rõ hình, số đo (10 x 2,5)cm; 01 mảnh nhựa màu trắng, bị bể vỡ không rõ hình, số đo (25 x 8)cm; 01 mảnh nhựa màu đỏ, bị bể vỡ không rõ hình, số đo (15 x 7,5)cm; 10 mảnh nhựa màu trắng, bị bể vỡ không rõ hình, số đo lần lượt là (19,5 x 8,5)cm, (12 x 4,5)cm, (11 x 2,5)cm, (10 x 5,5)cm, (9,5 x 6)cm, (9,5 x 3)cm, (8 x 4)cm, (7,7 x 5,2)cm, (7 x 6,1)cm và (5,5 x 3,2)cm; 02 mảnh nhựa màu đỏ, bị bể vỡ không rõ hình, số đo lần lượt là (73 x 12,5)cm và (18,5 x 12)cm; 03 mảnh kim loại màu trắng, bị bể vỡ không rõ hình, số đo lần lượt là (37 x 13)cm, (10 x 5)cm và (8,5 x 4,5)cm; 01 mảnh nhựa màu đen, bị bể vỡ không rõ hình, số đo (24,5 x 14,5)cm.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo trình bày: thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định hình phạt ở mức đề nghị thấp nhất của Kiểm sát viên cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Ngoài ra bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét miễn án phí cho bị cáo.

Trong phần lời nói sau cùng: Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định ông Nguyễn T3 V, bà Danh Thị Hồng T2, ông Sơn H4 và bà Sơn Thị Bách Đ là người làm chứng là không chính xác nên Hội đồng xét xử thống nhất xác định ông Nguyễn T3 V, bà Danh Thị Hồng T2, ông Sơn H4 và bà Sơn Thị Bách Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, tại giai đoạn điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng có tên nêu trên đã có lời khai, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Thạch H2 D thừa nhận: Vào khoảng 15 giờ ngày 11/3/2019, bị cáo Thạch H2 D không có giấy phép lái xe, sau khi sử dụng rượu, bia đã điều khiển xe mô tô biển số 83P3-071.93 chở Sơn Thái H1 lưu thông trên đoạn đường Đ1 thuộc ấp B, xã T, Huyện M, tỉnh Sóc Trăng, do không giữ khoảng cách an toàn với xe mô tô biển số 83P3-698.80 do Nguyễn T3 V điều khiển chở Danh Thị Hồng T2 chạy cùng chiều phía trước nên đã va chạm vào xe chạy cùng chiều nêu trên gây tai nạn giao thông, hậu quả làm cho Sơn Thái H1 bị T nặng và tử vong. Sau khi tai nạn xảy ra, qua điều tra, xác minh, Cơ quan điều tra xác định N2 nhân gây tai nạn giao thông là do bị cáo Thạch H2 D điều khiển xe mô tô biển số 83P3 - 071.93 chạy không giữ khoảng cách an toàn để xảy ra va chạm với xe chạy liền trước gây tai nạn giao thông, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ năm 2008 và điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 40/PY-PC09 ngày 21/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận N2 nhân tử vong của Sơn Thái H1 là do ngạt hô hấp.

Tại Phiếu đo nồng độ cồn ngày 11/3/2019 của Đội Cảnh sát giao thông Công an Huyện M, xác định nồng độ cồn của Thạch H2 D là 0,052mg/l khí thở (chưa vượt quá mức quy định là 0,25mg/l khí thở tại khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008).

[2] Xét lời thừa nhận tội của bị cáo Thạch H2 D tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm

chứng, vật chứng thu hồi được, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận giám định pháp y về tử thi và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ. Qua đó có đủ căn cứ để khẳng định bị cáo Thạch H2 D điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ nhưng không có giấy phép lái xe theo quy định, không giữ khoảng cách an toàn với xe lưu thông phía trước là vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 12 Luật giao thông đường bộ năm 2008 và điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính Phủ, đã gây tai nạn giao thông, hậu quả làm cho bị hại Sơn Thái H1 bị T nặng tử vong. Do đó có căn cứ để xác định bị cáo Thạch H2 D phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như sau: “1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) Làm chết người;...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;”. Do đó, cáo trạng 06/CT-VKSMX ngày 06/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện M đã truy tố bị cáo Thạch H2 D về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và đã trực tiếp gây thiệt hại đến tính mạng của bị hại một cách trái pháp luật. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn giao thông của địa phương. Cho nên, đối với bị cáo cần phải xử nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Thạch H2 D có sử dụng rượu bia trước khi điều khiển xe mô tô gây tai nạn. Tuy nhiên, tại Phiếu đo nồng độ cồn ngày 11/3/2019 của Đội Cảnh sát giao thông Công an Huyện M, xác định nồng độ cồn của Thạch H2 D là 0,052mg/l khí thở (chưa vượt quá mức quy định là 0,25mg/l khí thở tại khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008), nên bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người dân tộc Khmer hiểu biết pháp luật còn hạn chế, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả với số tiền 50.000.000 đồng; được những người đại diện hợp pháp của bị hại bãi nại và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét bị cáo có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quyết định xử phạt bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Đại diện hợp pháp của bị hại là ông Sơn H2 và bà Thạch Thị T đã nhận đủ số tiền do bị cáo Thạch Hoàng D và gia đình tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 50.000.000 đồng. Ông Sơn H2 và bà Thạch Thị T tự nguyện làm đơn bãi nại cho bị cáo, không yêu cầu về trách nhiệm hình sự và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

[6.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị H3, ông Diệp Chí C đã tự nguyện cùng bị cáo khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho gia đình của bị hại số tiền 15.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại khoản tiền 15.000.000 đồng nêu trên.

[6.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T3 V không bị T tích cũng không bị thiệt hại về tài sản nên ông V không có yêu cầu và bà Danh Thị Hồng T2 đã nhận lại chiếc xe về tự sửa chữa, nên đã có làm đơn từ chối định giá thiệt hại về chiếc xe trên, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì về tài sản.

[6.4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn H4 và bà Sơn Thị Bách Đ đã nhận lại chiếc xe mô tô biển số 83P3-071.93 để tự sửa chữa, nên đã có làm đơn từ chối định giá thiệt hại về chiếc xe trên, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì về tài sản.

Do đại diện hợp pháp của bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Sơn H4 đã nhận lại 01 xe mô tô biển số 83P3 - 071.93, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ, số máy JF66E0178249, số khung 5815GY178236, số loại Vision, dung tích 108; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 117469, biển số 83P3 - 071.93, tên chủ xe Sơn Hiệp; Bà Danh Thị Hồng T2 đã nhận lại 01 xe mô tô biển số 83P3 - 698.80, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn xám đen, số máy G3D4E734516, số khung 0610JY706190, số loại Exciter, dung tích 149; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 207990, biển số 83P3 - 698.80, tên chủ xe Danh Thị Hồng T2 nên không đặt ra xem xét.

[7.2] Đối với vật chứng do cơ quan điều tra thu giữ gồm: 01 mảnh kim loại màu trắng, không rõ hình, số đo (8 x 8)cm; 06 mảnh nhựa màu trắng bị bể vỡ không rõ hình, số đo lần lượt là (8 x 2,1)cm, (7 x 3)cm, (6 x 3)cm, (5 x 3,2)cm, (4,1 x 2,2)cm và (2,3 x 1,8)cm; 01 mảnh nhựa màu đen, không rõ hình, số đo (10 x 2,5)cm; 01 mảnh nhựa màu trắng, bị bể vỡ không rõ hình, số đo (25 x 8)cm; 01 mảnh nhựa màu đỏ, bị bể vỡ không rõ hình, số đo (15 x 7,5)cm; 10 mảnh nhựa màu trắng, bị bể vỡ không rõ hình, số đo lần lượt là (19,5 x 8,5)cm, (12 x 4,5)cm, (11 x 2,5)cm, (10 x 5,5)cm, (9,5 x 6)cm, (9,5 x 3)cm, (8 x 4)cm, (7,7 x 5,2)cm, (7 x 6,1)cm và (5,5 x 3,2)cm; 02 mảnh nhựa màu đỏ, bị bể vỡ không rõ hình, số đo lần lượt là (73 x 12,5)cm và (18,5 x 12)cm; 03 mảnh kim loại màu trắng, bị bể vỡ không rõ hình, số đo lần lượt là (37 x 13)cm, (10 x 5)cm và (8,5 x 4,5)cm; 01 mảnh nhựa màu đen, bị bể vỡ không rõ hình, số đo (24,5 x 14,5)cm. Xét thấy những vật chứng này không sử dụng được nên áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu và tiêu hủy.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên; Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Thạch Hoàng D là người bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo đề nghị miễn án phí cho bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xét miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Thạch Hoàng D phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 và khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Xử phạt bị cáo Thạch Hoàng D 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy: 01 mảnh kim loại màu trắng, không rõ hình, số đo (8 x 8)cm; 06 mảnh nhựa màu trắng bị bể vỡ không rõ hình, số đo lần lượt là (8 x 2,1)cm, (7 x 3)cm, (6 x 3)cm, (5 x 3,2)cm, (4,1 x 2,2)cm và (2,3 x 1,8)cm; 01 mảnh nhựa màu đen, không rõ hình, số đo (10 x 2,5)cm; 01 mảnh nhựa màu trắng, bị bể vỡ không rõ hình, số đo (25 x 8)cm; 01 mảnh nhựa màu đỏ, bị bể vỡ không rõ hình, số đo (15 x 7,5)cm; 10 mảnh nhựa màu trắng, bị bể vỡ không rõ hình, số đo lần lượt là (19,5 x 8,5)cm, (12 x 4,5)cm, (11 x 2,5)cm, (10 x 5,5)cm, (9,5 x 6)cm, (9,5 x 3)cm, (8 x 4)cm, (7,7 x 5,2)cm, (7 x 6,1)cm và (5,5 x 3,2)cm; 02 mảnh nhựa màu đỏ, bị bể vỡ không rõ hình, số đo lần lượt là (73 x 12,5)cm và (18,5 x 12)cm; 03 mảnh kim loại màu trắng, bị bể vỡ không rõ hình, số đo lần lượt là (37 x 13)cm, (10 x 5)cm và (8,5 x 4,5)cm; 01 mảnh nhựa màu đen, bị bể vỡ không rõ hình, số đo (24,5 x 14,5)cm.

- Về án phí: Bị cáo Thạch Hoàng D được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; Đại diện hợp pháp của bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST;
- VKSND tỉnh ST;
- VKSND Huyện MX;
- Bị cáo, ĐDHP của bị hại, NLQ
- Chi cục THA. MX;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Hỗ trợ tư pháp CAMX;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Mỹ